

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân
2. Bà Phạm Hải Yến

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970
2. Bị đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1975

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố số .., thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt anh B; vắng mặt chị M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị M do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là thị trấn A), huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/11/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau do vợ chồng tính tình thay đổi không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng; chị M đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về và không quan tâm chăm sóc gia

đình. Anh và chị M chính thức ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Anh thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với chị M được nữa nên anh xin ly hôn chị M. Anh và chị M có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/6/1994 và Nguyễn Văn M, sinh ngày 17/7/1999. Hiện nay hai con chung đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ tài sản.

Đối với bị đơn là chị Vũ Thị M tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải do UBND thị trấn A lập và đơn xin ly hôn vắng mặt đề ngày 20/8/2018 có chứng thực của UBND thị trấn A đã trình bày về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như anh B đã khai. Chị M cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn do cách sống vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không có hạnh phúc và nhất trí ly hôn anh B. Do đơn xin ly hôn vắng mặt của chị M có từ trước thời điểm Toà án thụ lý giải quyết vụ án nên Toà án vẫn tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị M đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng chị M không có mặt để tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho anh B được ly hôn chị M; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Anh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Vũ Thị M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị M xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1993 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa anh B, chị M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh B, chị M đều cho rằng do tính tình, quan điểm sống vợ chồng không hoà hợp. Xét mâu thuẫn giữa anh B, chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của anh B, xử cho anh B được ly hôn chị M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai con chung của anh B, chị M đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh B và chị M đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Vũ Thị M.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003764 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND thị trấn A, H. Quỳnh Phụ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng